

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày: 17-5-2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hà

2. Ông Mai Văn Đảm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST- DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh Đ- Chức danh: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh B

Địa chỉ: Khu 5, TT K, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh Đ: Ông Nguyễn Văn V – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh B

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị H

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng N trình bày:

Ngày 10/5/2013 gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị H được Ngân hàng N chi nhánh B cho vay vốn để mua dê nuôi. Hợp đồng vay vốn số: BG 694909 ngày 10/5/2013. Số tiền cho vay là 10.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 1,042%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ là ngày 20/3/2015. Quá trình vay nợ gia đình ông T chỉ trả được cho ngân hàng số tiền lãi là 604.167 đồng. Toàn bộ số tiền nợ gốc đã quá hạn kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2015, ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, yêu cầu gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị H trả nợ theo các cam kết đã ký, tuy nhiên đến nay gia đình ông T, bà H vẫn không trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị H phải trả nợ đối khoản vay của ngân hàng N chi nhánh B theo sổ vay vốn số BG 694909 ngày 10/5/2013, bao gồm tiền gốc chưa trả và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu cầu ông T và bà H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau khi xét xử cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng xác định ông T và bà H đã trả cho ngân hàng 604.167 đồng tiền lãi; Ngân hàng yêu cầu ông T và bà H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 17/5/2022 là 15.373.264 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T và bà H thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương nên không thể tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho ông T và bà H được. Do đó, không có lời khai của ông T và bà H trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng N và ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị H đang tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” do ông T và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị H thường xuyên không có mặt tại địa phương. Việc ông T và bà H không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn biết nhằm mục

đích trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS, Điều 6 nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[3]. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ hai nhưng ông T và bà H không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông T và bà H và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Tòa án cũng đã triệu tập họp họp lệ ông T và bà H đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, ông T và bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[6]. Về hình thức của hợp đồng: Theo hợp đồng vay vốn BG 694909 ngày 10/5/2013 mà đại diện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, việc ký kết hợp đồng giữa ông T với Ngân hàng N được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, phần cuối hợp đồng có chữ ký của người vay tiền là ông Nguyễn Văn T, chữ ký và đóng dấu của bên phía Ngân hàng. Nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp.

[7]. Bà Bùi Thị H không trực tiếp đứng ra vay tiền của Ngân hàng nhưng trong Sổ vay vốn ngày 10/5/2013 và văn bản đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 15/4/2013 (Có xác nhận của UBND xã Thành Minh), bà H có ký tên để đề nghị vay vốn của Ngân hàng mục đích là mua dê chăn nuôi. Như vậy, Tòa án xác định bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và phải có nghĩa vụ cùng ông T thực hiện hợp đồng vay vốn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: Theo hợp đồng vay vốn số BG 694909 ngày 10/5/2013 ông Nguyễn Văn T được Ngân hàng N chi nhánh B cho vay số tiền là 10.000.000 đồng. Mục đích vay là để “Mua dê”, lãi suất trong hạn là 1,042 %/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 20/3/2015. Đến nay, ông T và bà H mới trả được 604.167 đ tiền lãi cho Ngân hàng, chưa trả được

tiền gốc đã vay là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu cả ông T và bà H cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 357, 463, 466, 468 BLDS. Do đó buộc ông T và bà H phải trả cho Ngân hàng N chi nhánh B tổng số tiền 25.373.264 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 15.373.264 đồng.

[9]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến ngày ông T và bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Xét thấy thỏa thuận này đã được các bên giao kết trong Hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, số tiền này là 1.268.000 đồng; trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 275, Điều 280, khoản 1 Điều 351, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 BLTTDS; Điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 25.373.264 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi tư đồng), trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/5/2022) là 15.373.264 đồng.

Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị H phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.268.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng N 538.000 đồng (Năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007554 ngày 13/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Đảm

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

